

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1.1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Tên dự toán: Mua sắm hàng hóa y tế phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu năm 2026.
- Tên gói thầu: Mua sắm hàng hóa đảm bảo hoạt động thường xuyên tại đơn vị.
- Chủ đầu tư: Lữ đoàn 918.
- Địa điểm thực hiện: Lữ đoàn 918.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 290 ngày.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

1.2.1. Yêu cầu kỹ thuật chung:

- Chất lượng hàng hóa: mới 100%, sản xuất năm 2025 trở lại đây. Hàng hóa có nhãn mác, ký mã hiệu sản phẩm rõ ràng và đảm bảo theo quy định hiện hành, đầy đủ tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa.
- Hàng hóa chào thầu phải thích ứng về địa lý, môi trường.
- Hàng hóa không ảnh hưởng đến sức khỏe người sử dụng
- Nhà thầu phải có phương án về tác động của hàng hóa chào thầu đối với môi trường và biện pháp giải quyết.
- Nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa: rõ ràng, hợp pháp.
- Mặt hàng thuốc phải đáp ứng các thông số quy định trong E-HSMT; được phép lưu hành hợp pháp tại Việt Nam; đáp ứng tính hợp lệ và đầy đủ các tài liệu chứng minh tính hợp lệ và sự phù hợp (đáp ứng) của hàng hóa theo quy định theo quy định của E-HSMT.
- Thông tin về thuốc tham dự phải đúng theo phạm vi cung cấp quy định: Nhóm kỹ thuật, tên hoạt chất, nồng độ/hàm lượng, dạng bào chế, đường dùng,...
- Quy cách đóng gói: Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, nguyên bao bì.
- Bảo quản và vận chuyển: Đúng quy định của Bộ y tế và của Nhà sản xuất.
- Đảm bảo còn hạn sử dụng: Hạn sử dụng còn lại của thuốc trúng thầu tính từ thời điểm thuốc cung ứng cho cơ sở y tế phải bảo đảm tối thiểu còn 06 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 02 năm trở lên; 03 tháng đối với thuốc có hạn dùng từ 01 đến dưới 02 năm; 1/4 hạn dùng đối với thuốc có hạn dùng dưới 01 năm.

- Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh, thuốc kém chất lượng, phản ứng có hại của thuốc phát sinh trong quá trình sử dụng:

+ Nhà thầu phải có đề xuất kế hoạch bố trí nhân sự, phương tiện, hàng hóa dự trữ đảm bảo dịch vụ hỗ trợ sau bán hàng, đáp ứng yêu cầu 24 giờ/ngày, 07 ngày/tuần, thời gian có mặt là 06 giờ sau khi nhận được thông báo của chủ đầu tư. Kênh tiếp nhận thông báo và hỗ trợ: điện thoại, email, hỗ trợ trực tiếp tại địa điểm sử dụng.

+ Trường hợp phát sinh vấn đề, Chủ đầu tư ngưng sử dụng thuốc nêu trên và báo cáo bằng văn bản gửi nhà thầu trong vòng 06 giờ kể từ thời điểm phát hiện.

+ Nhà thầu phải có trách nhiệm thông báo bằng văn bản trong vòng 06 giờ sau khi nhận được thông báo của chủ đầu tư về thời gian và cách xử lý.

- Nhà thầu phải thu hồi vô điều kiện những mặt hàng bị phát hiện có vấn đề về chất lượng trong quá trình sử dụng hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của bên mời thầu.

- Nhà thầu phải bồi thường thiệt hại do thuốc không đạt chất lượng gây ra (nếu có).

- Trong quá trình cung cấp thuốc, nhà thầu sẵn sàng cung cấp các giấy tờ xác nhận về xuất xứ, chất lượng thuốc (bản gốc) khi có yêu cầu.

- Nhà thầu có tài liệu, thông tin chứng minh về tính hợp lệ của thuốc dự thầu:

+ Nhà thầu liệt kê thông tin tên mặt hàng thuốc tham dự thầu, cơ sở tham gia sản xuất; số giấy đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu do Cục Quản lý Dược hoặc Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền cấp và các thông tin khác có liên quan;

+ Các thông tin phải phù hợp với thông tin về thuốc đã được cấp giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu được Cục Quản lý Dược công bố trên trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Dược (địa chỉ: <http://www.dav.gov.vn>) hoặc Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền công bố trên trang thông tin điện tử của Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền (địa chỉ: <https://ydct.moh.gov.vn/>);

+ Đối với trường hợp mặt hàng thuốc tham dự thầu có giấy đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu hết hạn hiệu lực trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu có văn bản cam kết đảm bảo cung ứng thuốc theo yêu cầu của E-HSMT và bổ sung thẻ kho tương ứng 03 tháng theo tiến độ cung ứng được ghi trong E-HSMT (đối với thuốc phóng xạ thì thay thẻ kho bằng giấy tờ khác phù hợp; đối với mua sắm tập trung thì không áp dụng chứng minh bằng thẻ kho);

+ Đối với trường hợp giấy phép GMP hết hiệu lực trước thời điểm đóng thầu nhà thầu có văn bản cam kết đảm bảo cung ứng thuốc theo yêu cầu của E-HSMT và bổ sung thẻ kho tương ứng 03 tháng theo tiến độ cung ứng được ghi trong E-HSMT (đối với thuốc phóng xạ thì thay thẻ kho bằng giấy tờ khác phù hợp; đối với mua

sắm tập trung thì không áp dụng chứng minh bằng thẻ kho);

+ Trong quá trình đánh giá E-HSDT nếu các giấy tờ trên được gia hạn hoặc cấp mới thì không cần xem xét thẻ kho.

- Tất cả các hàng hóa chào thầu phải đạt tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo pháp luật hiện hành quy định, đảm bảo an toàn cho người sử dụng.

1.2.2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

Thông số kỹ thuật của hàng hóa tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn theo Bảng dưới đây. Bất kỳ thương hiệu, nhãn hiệu, yếu tố kỹ thuật... nào nếu có trong bảng yêu cầu kỹ thuật đều mang tính chất minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu.

Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có thông số kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ “tương đương” hoặc tốt hơn so với các yêu cầu cụ thể ở dưới và cung cấp tài liệu chứng minh sự đáp ứng tốt hơn của hàng hóa chào thầu so với yêu cầu của HSMT.

Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ Catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật đối với các thiết bị của gói thầu khi được chủ đầu tư yêu cầu nhằm chứng minh khả năng đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm do nhà thầu chào.

STT	Tên thuốc/ hoạt chất	Nồng độ. Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	ĐVT	Số lượng
I	Thuốc					
1	Paracetamol ; Clorpheniramin maleat	325mg; 2mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	9.000
2	Glucose	5%	Tiêm Truyền	Dung dịch tiêm truyền	Chai	100
3	Natri clorid	0,9g/100ml	Tiêm Truyền	Dung dịch tiêm truyền	chai	100
4	Mỗi 500ml chứa: Natri clorid 3g; Kali clorid 0,2g; Natri lactat 1,6g; Calci clorid.2H2O 0,135g	500ml	Tiêm Truyền	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền	100

5	Mỗi 4,1g thuốc bột chứa: Natri clorid 520mg; Natri citrat dihydrat 580mg; Kali clorid 300mg; Glucose khan 2,7gam	520mg; 580mg; 300mg; 2,7g	Uống	Thuốc bột	Gói	3.000
6	Meloxicam	7,5mg	Uống	viên nén	Viên	4.000
7	<u>Menthol natural,</u> <u>Camphor (natural), Glycol</u> <u>salicylate, Tocopheryl</u> <u>acetate</u>	1,25g . 1,00g. 0,30g .1h	Dùng ngoài	Miếng dán	Gói	500
8	Eperison hydroclorid	50mg	uống	viên nén	viên	1.800
9	Chymotrypsine	21 Microkatal	uống	Viên nén	Viên	9.000
10	Drotaverin hydroclorid	80mg	Uống	Viên nén	Viên	2.000
11	Paracetamol 500mg	500mg	Uống	viên sủi	Viên	5.000
12	Fexofenadin HCL 180mg	180mg	uống	Viên nén bao phim	Viên	3.000
13	Acetylcystein	200mg	Uống	Thuốc cốm	Gói	3.000
14	Perindopril arginine 5mg (tương đương 3,395mg perindopril); Amlodipine (dưới dạng amlodipin besilate) 5mg	5mg, 5mg	Uống	Viên nén	viên	4.200
15	Allopurinol	100mg	uống	viên nén	viên	1.000
16	Colchicin	1mg	uống	viên nén	Viên	1.000
17	Amoxicillin; Acid clavulanic	875mg;125mg	Uống	Viên nén bao phim	viên	2.800
18	Spiramycin 750.000 IU; Metronidazol 125 mg	750.000 IU; 125 mg	uống	Viên nén bao phim	Viên	3.000
19	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) ;	500 mg; 500 mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	2.800

	Sulbactam (dưới dạng Sulbactam pivoxil)					
20	Cefaclor (dưới dạng Cefaclor monohydrat)	375mg	Uống	Viên nén bao phim giải phóng chậm	Viên	2.000
21	Sulfamethoxazol ; Trimethoprim	800 mg; 160 mg	Uống	Viên nén	Viên	2.000
22	Ciprofloxacin (tương đương Ciprofloxacin HCl) 500 mg	500mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	500
23	Mỗi 1 ml chứa: Tobramycin ; Dexamethason	3mg; 1mg	Uống	Hỗn dịch nhỏ mắt	Lọ	300
24	Mỗi tuýp 5 g chứa: Tetracyclin hydroclorid 50mg	50mg	Mỡ tra mắt	Mỡ tra mắt	Tube	50
25	Rosuvastatin (dưới dạng Rosuvastatin calci) ;	20mg	Uống	Viên nén bao phim	viên	2.800
26	natri clorid	0,90%	nhỏ mắt, mũi	dung dịch	lọ	300
27	Nước biển , Cu ²⁺ , Zn ²⁺ , tinh dầu bạc hà.	400mg+300+300mg, 10iu	rửa mũi họng	dung dịch	lọ	200
28	Mỗi 5 ml chứa: Naphazolin nitrat 2,5mg	2,5mg	nhỏ mắt, mũi	Dung dịch nhỏ mũi	lọ	200
29	Griseofulvin	500mg	Uống	Viên nén	Viên	8.000
30	Betamethasone dipropionate, Clotrimazole và Gentamicin Sulphate	6,4mg+100mg+10mg	bôi ngoài	kem bôi ngoài da	tube	200
31	Mỗi 5 g chứa: Ketoconazol 100mg	100mg	Bôi ngoài da	kem bôi da	Tuýp	200
32	Vinpocetin	10 mg	uống	Viên nén	Viên	4.500
33	Piracetam	800mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	3.000

34	Acetyllecine	500mg	Uống	Viên nén	Viên	3.000
35	Pantoprazole (dưới dạng Pantoprazole natri sesquihydrate)	20mg	Uống	Viên nén bao tan trong ruột	Viên	4.200
36	Loperamid hydroclorid	2mg	Uống	Viên nén bao phim	Viên	800
37	Berberin clorid	100mg	Uống	Viên nang cứng	Viên	5.000
38	Attapulgit; Aluminum hydroxide and magnesium carbonate	2.5g; 0.5g	Uống	bột pha hỗn dịch uống	Gói	3.000
39	Esomeprazol	40mg	Uống	Viên nang cứng chứa vi hạt bao tan trong ruột	Viên	1.400
40	Calci (dưới dạng Calci lactat gluconat 2940mg; Calci carbonat 300mg)	500mg	uống	Viên nén bao phim	Viên	1.000
41	Cao cardus marianus, Vitamin B1, B2, B5, B6, PP	200mg; 8mg; 8mg; 16mg; 24mg	Uống	Viên nang mềm	Viên	6.000
42	Magnesi lactat dihydrat + Vitamin B6	470mg; 5mg	Uống	Viên nén bao phim	viên	5.000
43	Vitamin A 2500 IU; Vitamin D3 200 IU	2500 IU; 200IU	Uống	viên nang mềm	Viên	3.000
44	Vitamin C	1g	Uống	Viên nén sủi bọt	Viên	5.000
45	Aciclovir	50mg/g	Bôi ngoài da	Kem bôi da	Tuýp	100
46	Acyclovir	800mg	Uống	Viên nén	Viên	3.500

II	VTYT					
47	Băng cuộn xô	VTYT	VTYT	VTYT	cuộn	1000
48	Băng dính	VTYT	VTYT	VTYT	cuộn	100
49	Băng thun móc	VTYT	VTYT	VTYT	cuộn	100
50	Bông hút	VTYT	VTYT	VTYT	gam	10.000
51	Cồn 70 độ	VTYT	VTYT	VTYT	chai	100
52	Dây truyền dịch	VTYT	VTYT	VTYT	bộ	100
53	Gạc miếng	VTYT	VTYT	VTYT	cái	3.000
54	Găng tay cao su	VTYT	VTYT	VTYT	đôi	2.000
55	Iodine 100ml	VTYT	VTYT	VTYT	chai	100
56	Khẩu trang y tế	VTYT	VTYT	VTYT	cái	3.000
57	Khuynh diệp OPC 25ml	VTYT	VTYT	VTYT	lọ	200
58	Oxy già 50ml	VTYT	VTYT	VTYT	lọ	100
59	Que đê lưỡi gỗ	VTYT	VTYT	VTYT	cái	500

1.3. Các yêu cầu khác

- Nhà thầu phải phân bổ chi phí các dịch vụ đi kèm: triển khai, cài đặt, đào tạo, chuyển giao công nghệ... và các dịch vụ, công việc khác phục vụ cho việc triển khai gói thầu vào giá chào thầu của hàng hóa. Nhà thầu phải thực hiện đầy đủ các dịch vụ, công việc nêu trên trước khi 2 bên tiến hành nghiệm thu hợp đồng.

- Ngoài nhập giá trên webform, nhà thầu phải lập bảng chào giá chi tiết theo mẫu và đính kèm theo E-HSDT.

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ. Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Nhóm thuốc	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Thuốc									
STT	Danh mục	Mô tả					DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Vật tư y tế									

- Nhà thầu trình bày giải pháp đảm bảo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường trong quá trình triển khai.

- Nhà thầu đề xuất biện pháp phối hợp với các bên liên quan, có phương án tổ chức cung cấp, cài đặt, hướng dẫn vận hành, chạy thử, đào tạo, chuyển giao công nghệ, bảo hành bảo trì hợp lý, khoa học, đảm bảo an toàn phòng chống dịch bệnh cho bên chủ đầu tư. Khi bàn giao thông báo cho chủ đầu tư trước 01 ngày làm việc.

- Thuốc phải được giao đủ số lượng và đúng các thông tin, tiêu chuẩn như trong E-HSDT đã được lựa chọn; theo đúng yêu cầu của từng đợt/đơn hàng.

- Sau khi nhận được thông báo trúng thầu của chủ đầu tư, đơn vị trúng thầu có trách nhiệm hoàn thiện hợp đồng và tiến hành cung ứng mặt hàng trúng thầu như quy định của E-HSMT.

- Thuốc phải được giao đủ số lượng và đúng các thông tin, tiêu chuẩn như trong E-HSDT đã được lựa chọn; theo đúng yêu cầu của từng đợt/đơn hàng.

- Tiến độ cung cấp hàng hóa:

+ Thời gian thực hiện hợp đồng: 290 ngày.

+ Tiến độ cung cấp hàng hóa:

Hàng hóa sẽ được chủ đầu tư chia thành nhiều đợt/đơn hàng, tùy theo nhu cầu sử dụng và yêu cầu nhiệm vụ.

Chủ đầu tư sẽ gửi thông báo về số lượng hàng hóa cần mua của từng đợt/đơn hàng cho nhà thầu thông qua văn bản/email/ điện thoại. Trong vòng 04 giờ kể từ thời điểm chủ đầu tư thông báo và nhà thầu tiếp nhận thông tin, nhà thầu phải cung cấp hàng hóa theo đúng số lượng, chất lượng yêu cầu.

Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu theo giá trị của từng đợt/đơn hàng tương

ứng.

+ Nhà thầu phải có cam kết đáp ứng điều kiện về thực hiện hợp đồng, cung cấp hàng hóa, điều kiện thanh toán. Nhà thầu phải có đề xuất phương án chuẩn bị hàng sẵn hàng hóa, phương án cung cấp hàng hóa, đáp ứng theo yêu cầu về cung cấp hàng hóa của chủ đầu tư.

+ Trường hợp nhà thầu không đáp ứng được yêu cầu, không tuân thủ quy định hợp đồng, chủ đầu tư tiến hành lập biên bản ghi nhận lỗi vi phạm hợp đồng và phạt hợp đồng theo quy định. Nếu vượt quá số lần vi phạm và số tiền phạt hợp đồng đạt giá trị tối đa, chủ đầu tư xem xét thanh lý, chấm dứt hợp đồng với nhà thầu và gửi thông báo tới cơ quan quản lý nhà nước về đấu thầu về việc chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

- Các tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu:

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược:

Trong phạm vi kinh doanh phải ghi rõ sản xuất thuốc hoặc bán buôn thuốc.

+ Thông tin về việc đáp ứng hoặc duy trì đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt tùy theo từng loại hình kinh doanh:

GSP (Thực hành tốt bảo quản thuốc): Đối với cơ sở nhập khẩu trực tiếp thuốc

GDP (Thực hành tốt phân phối thuốc): Đối với cơ sở bán buôn thuốc.

GACP (Thực hành tốt trồng trọt và thu hái cây thuốc): Đối với cơ sở nuôi trồng dược liệu.

GMP (Thực hành tốt sản xuất thuốc): Đối với cơ sở sản xuất thuốc Nhà thầu chỉ cần ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mẫu số 05 tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu để phục vụ việc đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu và Mục 1 Phần 4 Phụ lục Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Thông tin về việc đáp ứng và duy trì đáp ứng các nguyên tắc, tiêu chuẩn thực hành tốt được công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

+ Thông báo trúng thầu hoặc hóa đơn bán thuốc hoặc hợp đồng cung ứng thuốc cho các cơ sở y tế hoặc các tài liệu khác để chứng minh kinh nghiệm cung ứng thuốc.

+ Các tài liệu nêu rõ nguồn gốc, xuất xứ của dược liệu đối với thuốc cổ truyền (trừ vị thuốc cổ truyền), thuốc dược liệu (hóa đơn, chứng từ hợp lệ mua dược liệu từ

các nhà cung cấp được Bộ Y tế hoặc Sở Y tế cấp giấy chứng nhận sản xuất, kinh doanh thuốc từ dược liệu; Phiếu tiếp nhận bản công bố dược liệu sản xuất theo WHO-GACP của cơ sở sản xuất dược liệu, tài liệu chứng minh nhà thầu là đơn vị trực tiếp khai thác/nuôi trồng, thu hái, chế biến dược liệu; Hợp đồng với đơn vị khai thác/nuôi trồng, thu hái, chế biến dược liệu; Hóa đơn mua dược liệu từ các hộ khai thác/nuôi trồng, thu hái, chế biến dược liệu; Hóa đơn chứng từ khác chứng minh nguồn gốc, xuất xứ của dược liệu để đánh giá theo quy định tại Mục 9 Phần 4 Phụ lục Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

+ Hóa đơn, chứng từ hợp lệ mua nguyên liệu kháng sinh sản xuất trong nước để sản xuất thuốc tham dự thầu để đánh giá theo quy định tại Mục 8 Phần 4 Phụ lục Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

+ Các tài liệu do nhà thầu cung cấp khi tham dự thầu là bản chụp có đóng dấu xác nhận của nhà thầu đồng thời nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Trong quá trình đánh giá hồ sơ, tại bước đánh giá về kỹ thuật, để đảm bảo chọn lựa được nhà thầu có năng lực tốt nhất, hàng hóa do nhà thầu chào đáp ứng yêu cầu trong lĩnh vực quốc phòng và nhu cầu sử dụng trong huấn luyện, đặc biệt là các hàng hóa sản xuất theo mẫu, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu chứng minh khả năng cung cấp hàng hóa và dịch vụ sau bán hàng đáp ứng yêu cầu.

Mục 2. Bản vẽ: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Thời gian kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa: Bên chủ đầu tư tiến hành kiểm tra, và thử nghiệm hàng hóa tại thời điểm bàn giao. Nếu hàng hóa không đạt yêu cầu như trong E-HSMT đã yêu cầu thì bên chủ đầu tư có quyền từ chối nhận hàng. Và bên nhà thầu phải có biện pháp thay thế hàng hóa khác có chất lượng tương đương hoặc cao hơn nhưng phù hợp nhưng phải được bên Chủ đầu tư chấp nhận. Nếu không đáp ứng được và không đảm bảo thời gian thực hiện hợp đồng thì bên nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về những thiệt hại do bên mình gây ra.